

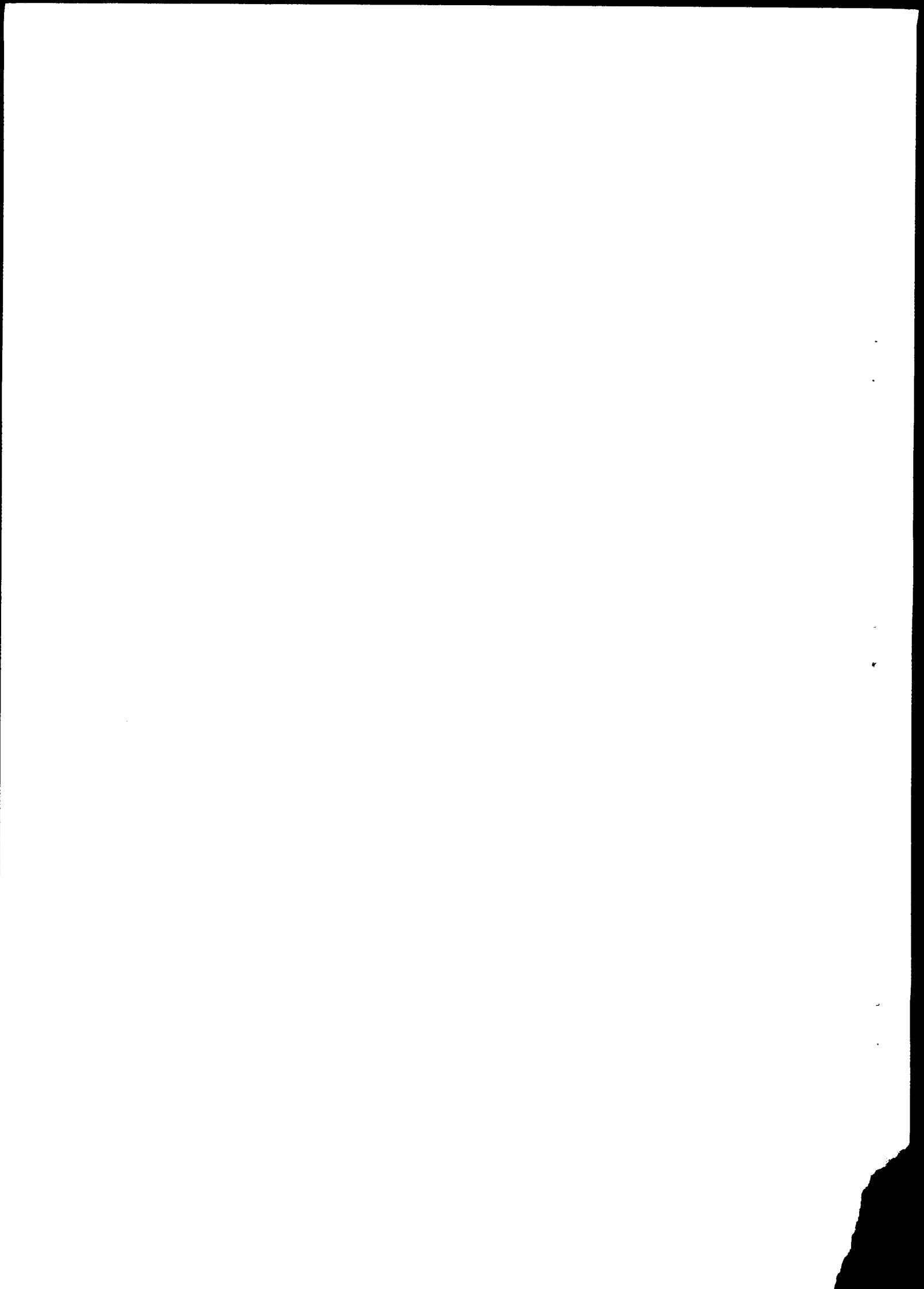
TẬP ĐOÀN MUỐI MIỀN NAM
SOUTHERN SALT GROUP



SOSAL GROUP

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TP.HCM, THÁNG 10 NĂM 2011



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TẬP ĐOÀN MUỐI MIỀN NAM

(Sửa đổi, bổ sung lần sáu)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005;

- Căn cứ vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 03/02/2010 V/v sửa đổi và bổ sung một số nội dung của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Muối Miền Nam.

Chúng tôi, những cổ đông và đại diện cổ đông Tập đoàn Muối Miền Nam, cùng nhất trí thông qua và cam kết thực hiện đúng quy định của Bản điều lệ sửa đổi này. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này sẽ là những quy tắc và quy định chi phối toàn bộ hoạt động của Tập đoàn Muối Miền Nam kể từ khi có hiệu lực.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1.1. Góp vốn là việc đưa tài sản vào Tập đoàn để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của Tập đoàn. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ Tập đoàn do thành viên góp để tạo thành vốn của Tập đoàn.

1.2. Phần vốn góp là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu chung của Tập đoàn góp vào vốn điều lệ.

1.3. Vốn điều lệ là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ Tập đoàn.

1.4. Vốn có quyền biểu quyết là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.5. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tập đoàn sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

1.6. Giá thị trường của cổ phần là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.

Điều 2. Tên và hình thức doanh nghiệp.

2.1. Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MUỐI MIỀN NAM**

(Viết tắt **TẬP ĐOÀN MUỐI MIỀN NAM**)

Tên giao dịch:

SOUTHERN SALT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt:

SOSAL GROUP

2.2. Hình thức doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam (sau đây gọi tắt là Tập đoàn) được thành lập dưới hình thức là Công ty cổ phần (với mô hình Tập đoàn; bao gồm Công ty mẹ, Công ty con và các thành viên liên kết) được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Trụ sở chính - Các đơn vị thành viên và phạm vi hoạt động của Tập đoàn.

3.1. Trụ sở chính:

- **Trụ sở chính** : 173 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- **Điện thoại** : 08. 38298366 - 38296275 - 38244507
- **Fax** : 08. 38296329
- **Email** : sosalgroupco@gmail.com
- **Website** : www.sosalco.com
- **Thương hiệu** : **SOSALCO** - Logo :



3.2. Các đơn vị thành viên.

- 1- CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VĨNH HẢO
- 2- CÔNG TY TNHH TÍN HƯNG VÀ CỘNG SỰ
- 3- CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VÀ THƯƠNG MẠI KHÁNH HÒA
- 4- CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VÀ THƯƠNG MẠI NINH THUẬN
- 5- CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VÀ THƯƠNG MẠI BÌNH THUẬN
- 6- CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VÀ THƯƠNG MẠI BÀ RỊA VŨNG TÀU
- 7- CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VÀ THƯƠNG MẠI TIỀN GIANG
- 8- CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VÀ THƯƠNG MẠI BẾN TRE
- 9- CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VÀ THƯƠNG MẠI HẢI PHÒNG
- 10- CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VÀ THƯƠNG MẠI CẦN GIỜ
- 11- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TƯ SAO MAI
- 12- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TƯ ĐỊA ỐC PHƯƠNG ĐÔNG
- 13- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TƯ PHƯƠNG BẮC

3.3. Phạm vi hoạt động : Tập đoàn được phép lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong phạm vi cả nước và ở nước ngoài (nếu có) theo quyết định của Hội đồng quản trị và thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Việc đặt chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài phải tuân theo pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.

Điều 4. Tư cách pháp nhân

4.1. Tập đoàn là một doanh nghiệp được thành lập hợp pháp dưới hình thức Công ty cổ phần, trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau – gọi là cổ phần, do các cổ đông cùng đóng góp.

4.2. Tập đoàn được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.

4.3. Tập đoàn là một tổ chức kinh tế độc lập:

a) Có tư cách pháp nhân theo luật định kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Có con dấu riêng, được đăng ký mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước theo luật định;

- c) Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;
- d) Có quyền tự chủ kinh doanh và quản lý tài chính, hạch toán kinh tế độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả mọi hoạt động kinh doanh và được trích lập các quỹ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- đ) Nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập, tự quyết định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Điều 5. Mục tiêu thành lập – Chức năng và phạm vi ngành nghề kinh doanh

5.1. Mục tiêu:

- Nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp bằng việc đa dạng hoá chủ sở hữu, đổi mới phương thức quản lý để phù hợp với thị trường và xu thế phát triển chung của nền kinh tế. Qua đó nhằm tăng trưởng vốn và tài sản của các cổ đông trong Tập đoàn.
- Tạo môi trường pháp lý giúp doanh nghiệp năng động hơn trong các hoạt động huy động vốn của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.
- Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, lao động và uy tín của các sáng lập viên và cổ đông khác nhằm phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong phạm vi ngành nghề đã đăng ký để tối đa hóa lợi nhuận, gia tăng lợi tức cho các cổ đông và đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, Tập đoàn, các cổ đông và người lao động.
- Tạo công ăn việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động, góp phần đem lại hiệu quả kinh tế – xã hội, phát triển địa phương, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển chung của toàn xã hội.

5.2. Chức năng:

a) **Phạm vi kinh doanh:** Liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư xây dựng sản xuất muối và kinh doanh đa ngành nghề.

b) **Ngành, nghề kinh doanh:**

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Sản xuất và mua bán các loại muối nguyên liệu, muối chế biến, muối iốt, các mặt hàng thực phẩm có muối i ốt, và các sản phẩm từ nước biển.
- Mua bán vật tư công cụ dụng, thiết bị phục vụ ngành sản xuất muối, bao bì.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa
- Sản xuất, mua bán nước mắm, nước đá cây, thức ăn gia súc.
- Mua bán thực phẩm, vật tư thiết bị vận tải, nguyên liệu – vật tư ngành may.
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở).
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế.
- Mua bán thực phẩm và kinh doanh ăn uống, giải khát bia - nước ngọt.
- Xây dựng công trình loại vừa và nhỏ, xây dựng chung cư, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê.
- Mua bán vật liệu xây dựng.
- San lấp mặt bằng.
- Lắp đặt thiết bị công trình.
- Xây dựng các công trình công nghiệp.

- Trang trí nội ngoại thất công trình
- Chế biến, mua bán nông – lâm – thủy hải sản.
- Xây dựng các công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm).
- Kinh doanh kho bãi (kinh doanh tại tỉnh bình dương)
- Mua bán phân bón, than đá, than bùn (không hoạt động tại trụ sở).
- Quản lý, bảo quản muối dự trữ quốc gia, và muối dự trữ lưu thông.
- Mua bán thiết bị điện tử, máy văn phòng và thiết bị.
- Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán máy thu hình, thiết bị thu phát và linh kiện phụ tùng.
- Kinh doanh nhà ở.
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc cho thuê.
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy.
- Tư vấn du học.
- Đào tạo nghề.
- Mua bán lương thực.
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, đồ uống
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa
 - Kho bãi và lưu trữ hàng hóa
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới)
 - Hoạt động trụ sở văn phòng
 - Cho thuê xe có động cơ
 - Hoạt động của các hội nghề nghiệp

Điều 6. Thời gian hoạt động - Nguyên tắc tổ chức hoạt động và quản trị điều hành .

6.1. Thời gian hoạt động của Tập đoàn là 50 năm (kể từ ngày Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh). Việc chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Tập đoàn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Luật Doanh nghiệp quy định.

6.2. Tập đoàn tổ chức hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.3. Đại hội đồng cổ đông (viết tắt ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Cơ quan quyết định cao nhất của Tập đoàn là ĐHĐCĐ.

6.4. ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị (HDQT) để lãnh đạo Tập đoàn giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Tập đoàn.

6.5. Điều hành hoạt động của Tập đoàn là Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm bãi nhiệm.

6.6. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh chủ chốt theo cơ cấu tổ chức của Tập đoàn do Tổng Giám đốc đề nghị và HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6.7. Các đơn vị thành viên của Tập đoàn bao gồm các Công ty con, chi nhánh, Xí nghiệp và các đơn vị liên kết trong hệ thống tổ chức của Tập đoàn.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn.

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn là Chủ tịch HĐQT.

Điều 8. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp

8.1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật.

8.2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

Điều 9. Quyền của Tập đoàn :

Tập đoàn Muối Miền Nam có các quyền cơ bản theo Luật định như sau:

9.1. Quyền quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh :

a) Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

b) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

c) Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

d) Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ của Tập đoàn. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc, các Công ty con trong hệ thống của Tập đoàn đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

đ) Được thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc.

e) Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh; được lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng và quyết định mức lương, thưởng trên cơ sở công hiến của người lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

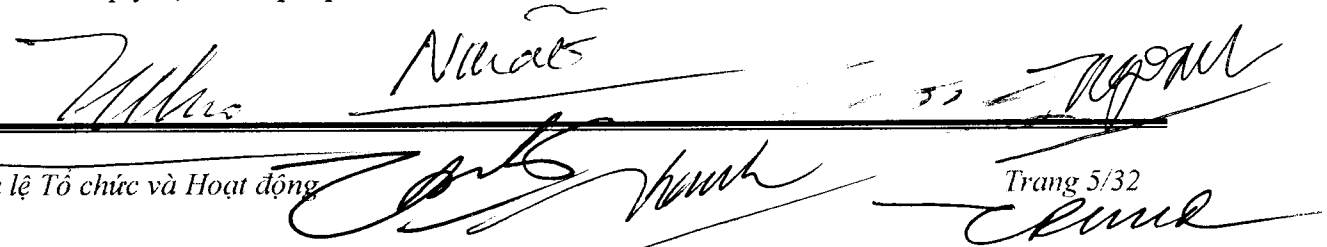
f) Quyết định giá mua vật tư, nguyên nhiên liệu, giá bán sản phẩm và đấu thầu các công trình, trừ những sản phẩm do Nhà nước định giá.

g) Được hưởng quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp của Nhà nước Việt Nam theo quy định.

h) Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của Tập đoàn trên thị trường.

i) Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

j) Mời khách nước ngoài tới làm việc hoặc cử cán bộ, nhân viên của Tập đoàn đi công tác nước ngoài phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chủ trương mở rộng hợp tác của Tập đoàn và các quy định của pháp luật.


Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Trang 5/32

k) Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;

n) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

m) Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

9.2. Quyền quản lý tài chính :

a) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp để thực hiện các mục tiêu, chiến lược sản xuất kinh doanh.

b) Sử dụng vốn và các quỹ của Tập đoàn để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lời.

c) Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn từ các nguồn trong và ngoài nước, được phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật .

d) Được thanh lý, chuyển nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nghĩa vụ của Tập đoàn

10.1. Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn

a) Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp ; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

b) Xây dựng chiến lược và định hướng phát triển Tập đoàn, kế hoạch đầu tư và sản xuất kinh doanh dài hạn và ngắn hạn trong từng thời kỳ phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ, các nguồn lực của Tập đoàn và nhu cầu của thị trường.

c) Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế với đối tác.

d) Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

đ) Thực hiện các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ tài nguyên, môi trường, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh.

e) Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

f) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

g) Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

10.2. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Tập đoàn:

a) Thực hiện đúng chế độ và quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo tài chính của Tập đoàn.

b) Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

c) Bảo toàn và phát triển vốn.

d) Thực hiện các khoản phải thu, phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Tập đoàn tại thời điểm thành lập.

đ) Có nghĩa vụ công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin đánh giá đúng đắn khách quan về hoạt động của Tập đoàn trước ĐHĐCĐ hàng năm.

e) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

f) Chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Tập đoàn.

Chương II**VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – TRÁI PHIẾU****Điều 11. Vốn điều lệ**

11.1. Vốn điều lệ của Tập đoàn được góp bằng tiền hoặc bằng hiện vật và được hạch toán, theo dõi bằng một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam (VNĐ);

11.2. Vốn điều lệ của Tập đoàn tại thời điểm được xác định là: 500.000.000.000đ (Năm trăm tỷ đồng).

11.3 Cơ cấu phân theo sở hữu:

Stt	Nội dung	Tỉ lệ (%)	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ phần Nhà nước tại doanh nghiệp	0,36	177.845	1.778.450.000
2	Cổ phần nhà đầu tư chiến lược (Công ty cổ phần Muối Vĩnh Hào)	1,37	682.500	6.825.000.000
3	Trần Quang Phụng	67,47	33.734.455	337.344.550.000
4	Trần Nam Trung	29,80	14.900.000	149.000.000.000
5	Cổ đông khác(90 cổ đông)	1,00	457.700	4.577.000.000
	Tổng cộng	100%	50.000.000	500.000.000.000

11.4. Tập đoàn có quyền phát hành các loại cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, việc tăng giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

11.5. Vốn điều lệ của Tập đoàn do các cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi cổ đông đều hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp của mình.

11.6. Vốn điều lệ được sử dụng cho các mục đích:

a) Mua sắm các loại TSCĐ cần thiết và cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;

b) Phát triển kỹ thuật – nghiệp vụ; công nghệ, phát triển nguồn nhân lực.

c) Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh với các đơn vị đối tác khác;

d) Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản;

e) Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Tập đoàn.

11.7. Không sử dụng vốn điều lệ để chia lợi tức cổ phần cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định giảm quy mô hoạt động SXKD) và phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Vốn huy động

Các hình thức huy động vốn của Tập đoàn bao gồm :

12.1. Phát hành các loại chứng khoán khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Tập đoàn phải chấp hành và tôn trọng các giới hạn khống chế về mức huy động dự trữ tối thiểu bắt buộc và các biện pháp đảm bảo an toàn về vốn khi phát hành chứng khoán.

12.2. Vay vốn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

12.3. Các hình thức huy động vốn khác được pháp luật cho phép.

Điều 13. Vốn tích lũy.

Vốn tích lũy của Tập đoàn được hình thành từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, được sử dụng để mở rộng và phát triển hoạt động SXKD của Tập đoàn.

Điều 14. Cổ phần

- Tập đoàn có 01 loại cổ phần là cổ phần phổ thông.

Điều 15. Cổ đông.

- Đối tượng được ưu đãi mua cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của nghị định 187/2004/NĐ-CP gọi là cổ đông chiến lược

- Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

16.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 0,5% (Không phải năm phần trăm) vốn Điều lệ được tham dự Đại hội đồng cổ đông; tất cả các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tập đoàn;

d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 17 Bản điều lệ này;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tập đoàn, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Tập đoàn giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tập đoàn;

16.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản.

16.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

16.4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

16.5. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đấu giá thành công; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn phải cùng liên đới chịu trách

nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

- b) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn.
- c) Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Tập đoàn.
- e) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tập đoàn dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây :
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tập đoàn.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ cổ đông chiến lược và cổ đông sáng lập

17.1. Quyền lợi:

- a) Được mua cổ phần ưu đãi theo quy định tại khoản 3 Điều 27 và khoản 2 Điều 28 của nghị định 187/2004/NĐ-CP.
- b) Được quyền tham gia quản lý Tập đoàn cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn;
- c) Được sử dụng cổ phiếu để cầm cố, thế chấp trong các mối quan hệ tín dụng ở Việt Nam;

17.2. Nghĩa vụ:

- a) Thực hiện các cam kết khi tham gia mua cổ phần;
- b) Không được chuyển nhượng cổ phần được mua ưu đãi theo quy định của khoản 3 Điều 27 của Nghị định 187/2004/NĐ-CP trong vòng 03 năm kể từ ngày Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Hội đồng quản trị chấp nhận;
- c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn.

17.3. Trường hợp các cổ đông sáng lập không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

17.4. Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Tập đoàn.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Điều 18. Cổ phiếu

18.1. Tập đoàn Muối Miền Nam phát hành sổ chứng nhận sở hữu cổ phần, để xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần gọi là cổ phiếu; có một loại: cổ phiếu ghi danh.

18.2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức sổ chứng nhận sở hữu cổ phần do Tập đoàn phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tập đoàn phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Tập đoàn.

18.3. Trường hợp sổ chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được Tập đoàn cấp lại sổ chứng nhận sở hữu cổ phần theo đề nghị của cổ đông đó. Đối với sổ chứng nhận sở hữu cổ phần có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp sổ chứng nhận sở hữu cổ phần mới, người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn có thể yêu cầu chủ sở hữu sổ chứng nhận sở hữu cổ phần đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Tập đoàn cấp sổ chứng nhận sở hữu cổ phần mới.

Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông

19.1. Tập đoàn phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

19.2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tập đoàn;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

19.3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tập đoàn hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Điều 20. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

20.1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tập đoàn;
- c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

20.2. Trường hợp Tập đoàn phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Tập đoàn thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tập đoàn phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

b) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

c) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Tập đoàn đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Tập đoàn hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

20.3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Tập đoàn.

20.4. Sau khi cổ phần được bán, Tập đoàn phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Tập đoàn có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Tập đoàn.

20.5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 và khoản 5 Điều 84 của Luật doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký.

20.6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 21. Phát hành trái phiếu

21.1. Tập đoàn có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

21.2. Tập đoàn không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;

b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

21.3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo

cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 22. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Tập đoàn có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 23. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

23.1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Tập đoàn hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tập đoàn trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

23.2. Tập đoàn phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tập đoàn giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 24. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tập đoàn

Tập đoàn có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, theo quy định sau đây:

24.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

24.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

24.3. Tập đoàn có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tập đoàn. Quyết định mua lại cổ phần của Tập đoàn phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Tập đoàn trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Tập đoàn chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

25.1. Tập đoàn chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Bản điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Tập đoàn vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

25.2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Bản điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

25.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Tập đoàn.

25.4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Tập đoàn giảm hơn 10% thì Tập đoàn phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 26. Trả cổ tức

26.1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tập đoàn. Tập đoàn chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Tập đoàn và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tập đoàn vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tập đoàn hoặc bằng tài sản khác theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Tập đoàn đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Tập đoàn đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Tập đoàn không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

26.2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

26.3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tập đoàn.

Điều 27. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 26 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Tập đoàn số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Tập đoàn thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC TẬP ĐOÀN

Điều 28. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Tập đoàn

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tập đoàn gồm có:

- Đại Hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám đốc;
- Ban kiểm soát;

Điều 29. Đại hội đồng cổ đông

29.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tập đoàn.

29.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tập đoàn;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn.
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ này;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tập đoàn và cổ đông Tập đoàn;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tập đoàn;

29.3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tập đoàn.

Điều 30. Hội đồng quản trị - Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

30.1. Hội đồng quản trị có tối đa không quá 11 người, là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm năm, nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm năm.

30.2 Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- b) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% vốn Điều lệ hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ

yêu của Tập đoàn hoặc đại diện cho nhóm cổ đông được quy định tại khoản 2 điều 16 của điều lệ này.

30.3. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tập đoàn;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Tập đoàn;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Điều lệ này;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc Điều lệ này;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 43 của Điều lệ này;
- h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- i) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn;
- j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Tập đoàn, quyết định thành lập công ty con và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tập đoàn;

30.4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

30.5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Tập đoàn thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

30.6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Tập đoàn cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.

- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

30.7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

- Bị mất hoặc không còn đủ năng lực hành vi dân sự.

- Vi phạm điều cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

- Không còn là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% vốn Điều lệ hoặc đại diện cho nhóm cổ đông được quy định tại khoản 2 điều 16 của điều lệ này .

- Không có đủ trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

d) Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.

e) Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.

f) Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

g) Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tập đoàn thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

31.1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch được bầu là người trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc

31.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

31.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong HĐQT để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 32. Tổng Giám đốc

32.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

32.2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

32.3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

32.4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của Tập đoàn hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn .

c) Tổng giám đốc Tập đoàn không được đồng thời làm Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) của doanh nghiệp khác.

32.5. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tập đoàn;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Tập đoàn;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Tập đoàn, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Tập đoàn kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

32.6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Tập đoàn và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Tập đoàn thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tập đoàn.

32.7. Tổng Giám đốc Tập đoàn có thể ủy quyền cho các Phó tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Tập đoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đều phải thực hiện bằng văn bản.

32.8. Tổng Giám đốc Tập đoàn bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hội đủ điều kiện

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 của Điều này.

- Chết, mất trí, mất quyền công dân.

- Tự ý bỏ nhiệm sở.

- Cố đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.

- Mất tư cách đại diện cho cố đong pháp nhân.

- Bị mất hoặc bị hạn chế hành vi dân sự.

b) Có đơn xin từ chức.

c) Ngoài các trường hợp quy định tại mục a Khoản này, Tổng Giám đốc Tập đoàn có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng bất cứ lúc nào theo quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.

e) Trường hợp bị mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 33. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.

33.1. Tập đoàn có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

33.2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

Điều 34. Nghĩa vụ của người quản lý Tập đoàn

34.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn và cổ đông của Tập đoàn;

c) Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và cổ đông của Tập đoàn; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tập đoàn, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tập đoàn về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tập đoàn.

34.2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Tập đoàn không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 35. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

35.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

35.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- Báo cáo tài chính hằng năm;

- Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Tập đoàn;

- Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Tập đoàn của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

35.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

35.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tập đoàn.

35.5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tập đoàn.

35.6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

35.7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

35.8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Tập đoàn hoàn lại.

Điều 36. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

36.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

36.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

36.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

36.4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này.

36.5. Quy định việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

- Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này được ủy quyền cho một hay một số người đại diện thay thế tham dự họp ĐHĐCĐ việc ủy quyền phải được xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện. Cổ đông có quyền biểu quyết tham dự ĐHĐCĐ thì không được ủy quyền một phần cổ phần của mình cho người khác. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông nhưng không được ứng cử tại Đại hội đồng cổ đông với tư cách cá nhân.

- Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Tập đoàn nhưng phải có đầy đủ năng lực hành vi pháp lý để tham dự Đại hội đồng cổ đông.

- Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản hợp pháp. Người được ủy quyền phải trình văn bản ủy quyền cho ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc. Trong trường hợp đại diện là pháp nhân thì giấy ủy quyền phải được người đứng đầu pháp nhân hoặc đại diện hợp pháp ký tên, đóng dấu.

- Việc ủy quyền chỉ thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ 3.

- Người ủy quyền có thể huỷ bỏ sự ủy quyền hoặc thu hồi giấy ủy quyền bằng văn bản gửi cho ban tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

37.1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

37.2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

37.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

37.4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

37.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

37.6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

37.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

37.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

37.9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 38. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

38.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của Tập đoàn. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

38.2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

39.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

39.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tập đoàn chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Tập đoàn, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

39.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

39.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 40. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

40.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

40.2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp

Điều 41. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

41.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

41.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn;
- b) Thông qua định hướng phát triển Tập đoàn;
- c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29 Điều lệ này;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể Tập đoàn.

41.3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn; tổ chức lại, giải thể Tập đoàn; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

41.4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

41.5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

41.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Biên bản họp của Hội đồng quản trị

42.1. Tất cả các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản.

42.2. Biên bản họp được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

42.3. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Điều 43. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận

43.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Tập đoàn và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

43.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Tập đoàn dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

43.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

43.4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tập đoàn các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 44. Trình báo cáo hằng năm

44.1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Tập đoàn;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tập đoàn.

44.2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

44.3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Tập đoàn chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Tập đoàn liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 45. Ban Kiểm soát

45.1. Ban kiểm soát có tối đa không quá 07 người; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

45.2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

45.3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

46.1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

46.2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng

Điều 47. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

47.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

47.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

47.3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Tập đoàn và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

47.4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tập đoàn, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này.

47.5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

47.6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

47.7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tập đoàn thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

47.8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

47.9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 48. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

48.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

48.2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tập đoàn phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

48.3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Tập đoàn làm việc.

48.4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 49. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

49.1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;

49.2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

49.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

Điều 50. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

50.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

50.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn và cổ đông của Tập đoàn.

50.3. Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và cổ đông Tập đoàn; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tập đoàn, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

50.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

51.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 146 của Điều lệ này;
- b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn xin từ chức;

51.2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

51.3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Tập đoàn thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 52. Công khai thông tin - Chế độ lưu trữ tài liệu của Tập đoàn.**52.1. Công khai thông tin**

- Tập đoàn phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

- Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

- Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn cổ phần tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

52.2. Chế độ lưu trữ tài liệu của Tập đoàn

a) Tập đoàn phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

- Điều lệ Tập đoàn; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn; quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn; sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;

- Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Tập đoàn;

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của doanh nghiệp;

- Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;

- Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

- Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

- Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

b) Tập đoàn phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Quản lý vốn nhà nước tại Tập đoàn.

53.1. Phần vốn Nhà Nước tại Tập đoàn được quản lý theo các quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà Nước đầu tư tại doanh nghiệp khác.

53.2 Tổng Công ty muối Việt Nam đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà Nước tại Tập đoàn, được quyền quyết định việc bán tiếp cổ phần thuộc sở hữu Nhà Nước tại Tập đoàn theo quy định của pháp luật hiện hành và phải được ĐHCĐ thông qua .

Chương IV

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 54. Chế độ, quyền lợi của người lao động

54.1. Người lao động trong Tập đoàn được hưởng những quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của Bộ luật lao động, pháp luật của nhà nước và quy định của Tập đoàn.

54.2. Tổng Giám đốc sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện của Tập đoàn để xây dựng quy chế tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động, quy chế tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc và những người lao động trong Tập đoàn. Mức lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của HĐQT thì do HĐQT quyết định.

54.3. Chính sách đối với những người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhà nước khi chuyển sang làm việc tại Tập đoàn.

a) Lao động đang làm việc tại Công ty Muối Miền Nam theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn khi chuyển sang Công ty cổ phần được ký hợp đồng lao động, được đào tạo hay đào tạo lại để bố trí việc làm mới (nếu cần), được tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động và pháp luật của nhà nước.

b) Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động được giải quyết chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước. Khi chuyển sang Công ty cổ phần, chế độ BHXH và các chế độ khác theo pháp luật sẽ được tiếp tục thực hiện.

c) Trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày cấp đăng ký kinh doanh dưới hình thức Công ty cổ phần nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động bị mất việc làm, thì người lao động dôi dư sẽ được giải quyết theo những quy định hiện hành của Nhà nước.

CHƯƠNG V

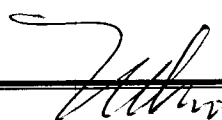
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN – TRÍCH LẬP QUỸ


Điều 55. Hạch toán kế toán – tài chính

55.1. Tập đoàn hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Tập đoàn.

55.2. Trách nhiệm vật chất của Tập đoàn trong các mối quan hệ kinh tế cũng như quan hệ dân sự được giới hạn ở mức vốn điều lệ của Tập đoàn công bố mỗi khi có sự thay đổi.

55.3. Tập đoàn phải tuân thủ mọi chế độ kế toán, thống kê và lập sổ sách báo cáo theo đúng luật định hiện hành.


Điều lệ Tổ chức và Hoạt động


Trang 29/32

55.4. Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chính thức đi vào hoạt động và kết thúc vào 31/12 năm đó.

55.5. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và gửi đến HĐQT, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp ĐHĐCĐ.

55.6. HĐQT và Ban Kiểm soát có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ các tài liệu về tài chính của Tập đoàn, gồm: báo cáo tài chính; bảng kiểm kê tài sản, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, bảng lưu chuyển tiền tệ, các bảng giải trình thuyết minh phân tích tình hình tài chính của Tập đoàn;

55.7. Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về các báo cáo tài chính;

55.8. Tập hợp các báo cáo tài chính sau ĐHĐCĐ để gửi đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Điều 56. Phân cấp quyền hạn tài chính

56.1. Trong hoạt động sử dụng vốn, đầu tư trực tiếp hay gián tiếp, mua sắm tài sản, ký kết hợp đồng kinh doanh, quan hệ tín dụng (vay, cho vay, mua, bán hàng trả chậm, thuê tài chính) giữa Tập đoàn với các đối tác bên ngoài Tập đoàn phải tuân theo nguyên tắc phân cấp quyền hạn được quy định trong quy chế tài chính của Tập đoàn.

56.2. Việc ký kết các hợp đồng kinh tế và ủy quyền ký kết theo giới hạn trách nhiệm của Tổng Giám đốc, kể cả mua trang thiết bị, vật tư, các chi phí quản lý của Tập đoàn sẽ được HĐQT quy định chi tiết trong quy chế làm việc.

Điều 57. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

57.1. Tập đoàn sẽ chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời, đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản đến hạn phải trả.

Cổ tức được xác định sau khi trích lập các loại quỹ theo quy định.

Ngoài ra, Tập đoàn có thể trích lập quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm 3% trên tổng quỹ tiền lương (Quỹ này hạch toán vào giá thành hoặc chi phí lưu thông).

Sau khi trích đủ các quỹ, số lợi nhuận còn lại được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

57.2. Nếu Tập đoàn có những dự án mới có khả năng sinh lợi và có khả năng làm gia tăng giá cả chứng khoán của Tập đoàn thì theo kiến nghị của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Tập đoàn sẽ không chia cổ tức cho cổ đông.

57.3. Hội đồng quản trị sẽ lập danh sách các cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức sẽ được gửi đến cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

57.4. Đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần, cổ đông chuyển nhượng lại cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

57.5. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.

Điều 58. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp khi Tập đoàn kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định theo một trong các giải pháp sau đây:

- Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ.
- Chuyển phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khác để khắc phục.

Chương VI

THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 59. Thành lập

Tập đoàn được thành lập sau khi được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập Tập đoàn đều được ghi vào mục chi phí của Tập đoàn và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên đầu tiên.

Điều 60. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Tập đoàn

Tập đoàn thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tập đoàn theo quy định tại Điều 150, 151, 152, 153 và 154 của Luật doanh nghiệp.

Điều 61. Giải thể và thanh lý tài sản của Tập đoàn

61.1. Tập đoàn giải thể trong các trường hợp sau :

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông;
- c) Tập đoàn không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 6 tháng liên tục;
- d) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

61.2. Tập đoàn chỉ được giải thể khi đã thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trình tự, thủ tục thực hiện theo Điều 158 Luật doanh nghiệp.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 62. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho bản Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn được lập tháng 5 năm 2010.

Điều 63. Thể thức sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của Điều lệ

63.1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Tập đoàn không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

63.2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

63.3. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Thê thức họp, thông qua nội dung sửa đổi theo quy định tại Bản điều lệ này.

Điều 64. Điều khoản cuối cùng

Bản điều lệ này gồm 7 chương 64 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tập đoàn Muối Miền Nam chấp thuận toàn bộ và thông qua.

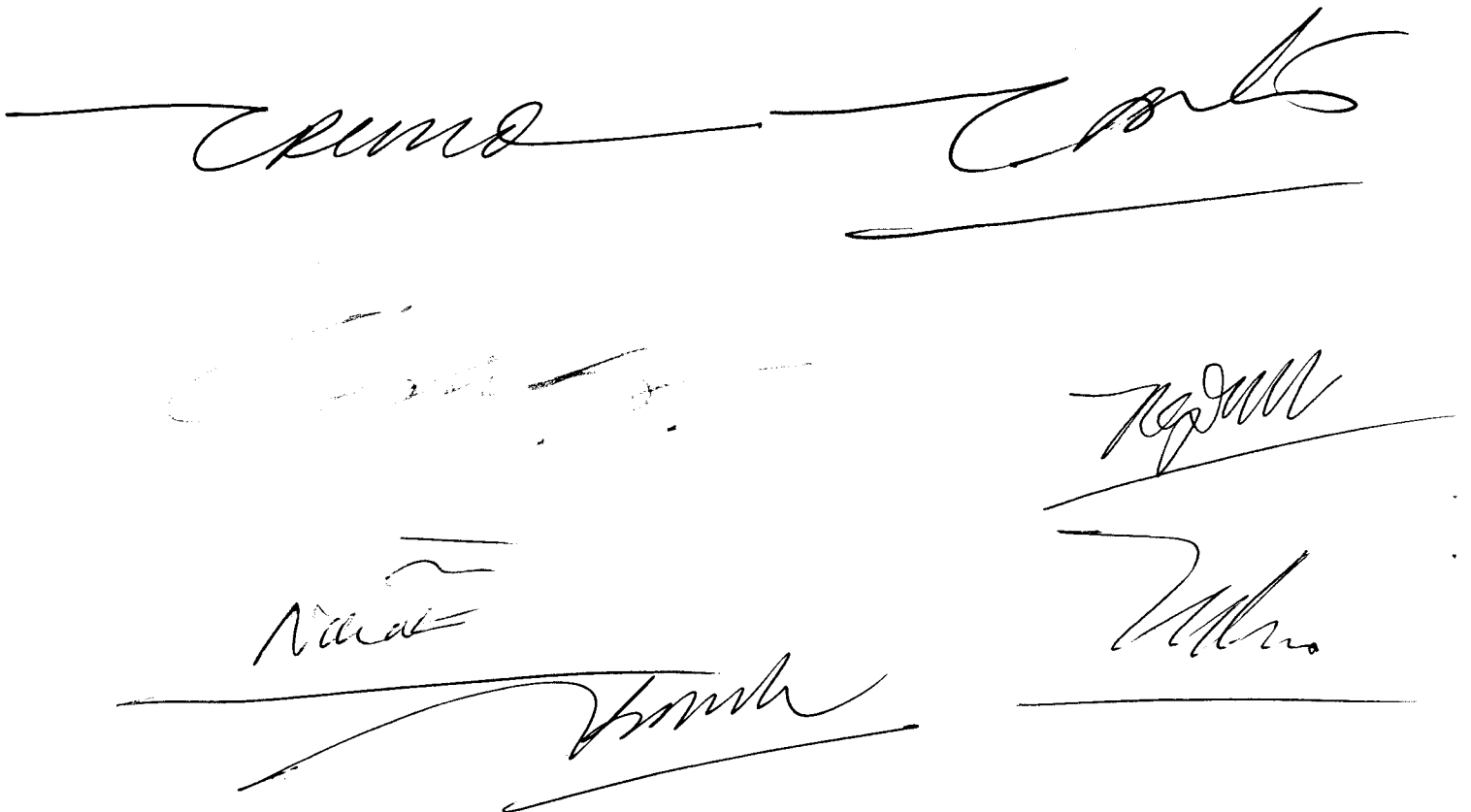
Mọi sự sao chép, trích lục phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị và phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của hai thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Bản điều lệ này được lập thành 05 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh
- 01 bản do Chủ tịch Hội đồng quản trị lưu giữ
- 01 bản do Ban kiểm soát Tập đoàn lưu giữ
- 01 bản do Tổng Giám đốc lưu giữ
- 01 bản lưu tại Văn phòng Tập đoàn.

TP.HCM, ngày 01 tháng 10 năm 2011

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẬP ĐOÀN MUỐI MIỀN NAM
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÝ TÊN

The image shows five handwritten signatures in black ink, each written over a horizontal line. The signatures are stylized and cursive. They are arranged in two rows: two in the top row and three in the bottom row.